

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28/11/2022
“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Quốc Kỳ và bà Trần Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Duy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh H.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXX - ST ngày 30 tháng 9 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị T**, sinh năm 1996, (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Anh **Đinh Đức T**, sinh năm 1990, (vắng mặt không có lý do);

Cùng cư trú tại: Xóm M, xã B, huyện C, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 19 tháng 01 năm 2022; Bản tự khai; Biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Đinh Thị T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đinh Thị T** và anh **Đinh Đức T** đăng ký kết hôn ngày 23/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh H trên cơ sở tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn hai vợ chồng sống tại xã B, huyện C, tỉnh H. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, anh T nghiện chất ma túy, cầm cố tài sản là xe máy của vợ chồng để lấy tiền nghiện hút, chị và gia đình đã nhiều lần khuyên

nhủ nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đình Nhật Long, sinh ngày 26/4/2016 và cháu Đình Anh Vũ, sinh ngày 06/11/2019, hiện tại sức khỏe của các cháu tốt, phát triển bình thường và đang ở cùng với chị T, khi ly hôn chị T có nguyện vọng muốn được nuôi cả 02 con và chưa yêu cầu anh Đình Đức T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung, Công nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết;

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải anh Đình Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời điểm đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng cơ bản giống như lời trình bày của chị T. Mâu thuẫn chính của vợ chồng là do anh T đánh vào nghiện ngập, bất đồng quan điểm sống nên hay cãi nhau hiện tại vợ chồng đang sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quan điểm của anh T tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai là vẫn mong muốn chị T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, tại biên bản hòa giải quan điểm của anh T là nếu chị T cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đình Nhật Long, sinh ngày 26/4/2016 và cháu Đình Anh Vũ, sinh ngày 06/11/2019, hiện tại sức khỏe của các cháu tốt, phát triển bình thường và đang ở cùng với chị T, nếu phải ly hôn anh T có nguyện vọng muốn được nuôi cháu Đình Nhật Long và đồng ý để chị T nuôi cháu Đình Anh Vũ, anh T chưa yêu cầu chị T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung, Công nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết;

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị Đình Thị T và anh Đình Đức T cho thấy:

Chị T và anh T là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn từ năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh H. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại Xóm M, xã B, huyện C. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc, nguyên nhân anh T, nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát, cãi cọ. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân.

*** Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:**

Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ và chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56 Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị T với anh Đinh Đức T.

Chấp nhận giao 02 con chung là Đinh Nhật Long, sinh ngày 26/4/2016 và cháu Đinh Anh Vũ, sinh ngày 06/11/2019 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Long và cháu Vũ đủ 18 tuổi chị T chưa yêu cầu anh Đinh Đức T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung; công nợ chung: Không có và không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Đề nghị tuyên quyền thăm nom, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Đinh Thị T khởi kiện anh Đinh Đức T là vụ án dân sự tranh chấp “ ly hôn”, căn cứ vào sổ hộ khẩu gia đình anh T có nơi cư trú tại Xóm M, xã B, huyện C, tỉnh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

Tại phiên tòa ngày 21/10/2022, nguyên đơn chị Đinh Thị T có mặt, bị đơn anh Đinh Đức T vắng mặt không có lý do lần thứ nhất, nên HĐXX hoãn phiên tòa xét xử vụ án. Tại phiên tòa ngày 10/11/2022, nguyên đơn chị Đinh Thị T có đơn xin hoãn phiên tòa, bị đơn anh Đinh Đức T vắng mặt không có lý do lần thứ hai, nên HĐXX hoãn phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn là chị Đinh Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Khoản khoản 1 Điều 228 BLTTDS và theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là đề nghị HĐXX tiến hành xét xử

vụ án vắng mặt Nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Đinh Đức T tiếp tục vắng mặt không có lý do lần thứ 3. Vì vậy căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS và theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật. Nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2015, ngày 23/10/2015, do UBND xã B, huyện C, tỉnh H cấp, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị T và anh Đinh Đức T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc anh T nghiện ma túy, không quan tâm đến vợ con, quan điểm sống không hợp nhau dẫn đến mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm danh dự nhân phẩm của nhau. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy: Anh T là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định hiện tại chị T và anh T đang sống ly thân, cả hai không còn quan tâm gì đến cuộc sống, sinh hoạt của nhau đúng như chị T đã trình bày. HĐXX xét thấy: Hôn nhân giữa chị T và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đinh Thị T.

[3]. Về con chung: Xác định chị Đinh Thị T và anh Đinh Đức T có 02 con chung là Đinh Nhật Long, sinh ngày 26/4/2016 và cháu Đinh Anh Vũ, sinh ngày 06/11/2019. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng muốn được nuôi cả 02 con vì các cháu ở với chị từ nhỏ đang đi học quen trường, lớp, có chỗ ở ổn định chị T hiện tại đang làm công nhân có thu thập ổn định còn anh T nghiện ngập không có nghề nghiệp, không có việc làm không có thu nhập, nên không đảm bảo được việc nuôi dưỡng cũng như chăm sóc và học tập của con. Chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn. Xét nguyện vọng của chị T. HĐXX xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đinh Nhật Long, sinh ngày 26/4/2016 và cháu Đinh Anh Vũ, sinh ngày 06/11/2019 cho đến khi cháu Long và cháu Vũ đủ 18 tuổi. Chị T chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, nên HĐXX không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4]. Về tài sản chung: Chị Đinh Thị T và anh Đinh Đức T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về công nợ chung: Chị Đinh Thị T và anh Đinh Đức T xác nhận không có công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1, khoản 3 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T được ly hôn với anh Đinh Đức T.

1.2. Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh Nhật Long, sinh ngày 26/4/2016 và cháu Đinh Anh Vũ, sinh ngày 06/11/2019 cho đến khi cháu Long và cháu Vũ đủ 18 tuổi. Chị T chưa yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

1.3. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0001672, ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh H.

1.4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh H;
- TAND tỉnh H;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Đức Thịnh